

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/01/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

C. Tỉnh

Mã nhận dạng: 002714

|                                    |                                    |                                     |
|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Châu TT</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Châu TT</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Châu TT</i> |
|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký      | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm lẻ |
|-----|------------|-------------------|------------|----------|--------|-------------|-------------|-----------|------------|---------|----------------------------------|------------------------------|
| 1   | 2121270074 | HOÀNG THỊ NHUNG   | 21/10/2001 | CCQ2127C |        | 1           | <i>Phúc</i> | 5.3       | 6          | 6.4     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 2   | 2121270111 | NGUYỄN THỊ CẨM    | 31/12/2003 | CCQ2127D |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 4.5        | 5.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 3   | 2121220005 | TRẦN THỊ QUỲNH    | 16/05/2003 | CCQ2120B |        | 1           | <i>Phúc</i> | 8.4       | 4          | 5.7     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 4   | 2121200067 | TRƯƠNG ĐỨC        | 21/05/2003 | CCQ2120B |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 2          | 4.0     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 5   | 2121200089 | NGUYỄN THỊ KIM    | 24/06/2001 | CCQ2120C |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 5          | 5.8     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 6   | 2121200024 | PHẠM THỊ KIM      | 02/12/2003 | CCQ2120A |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 6.5        | 6.7     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 7   | 2121200118 | ĐỖ HỒNG           | 05/06/2003 | CCQ2120D |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 0.0        |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 8   | 2119120367 | LÊ VĂN            | 15/01/2001 | CCQ1912K |        |             |             | 0.0       |            |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 9   | 2120200310 | NGUYỄN TRUNG      | 06/03/2002 | CCQ2020I |        | 1           | <i>Phúc</i> | 8.1       | 7          | 7.4     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 10  | 2120120556 | LƯƠNG THỊ NHƯ     | 20/08/2001 | CCQ2012R |        |             |             | 0.0       |            |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 11  | 2119110152 | TRẦN PHƯỚC        | 26/09/2000 | CCQ1920H |        |             |             | 0.0       |            |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 12  | 2121200116 | HÀ THỊ HUYỀN      | 03/02/2003 | CCQ2120D |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.0       | 3          | 4.6     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 13  | 2121200034 | TRẦN THỊ THU      | 20/02/2003 | CCQ2120A |        | 1           | <i>Phúc</i> | 6.9       | 3          | 4.6     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 14  | 2120270023 | TRẦN BÙI BĂNG     | 23/02/2002 | CCQ2027A |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.2       | 7          | 7.1     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 15  | 2120200359 | NGUYỄN THỊ YẾN    | 27/02/2002 | CCQ2020J |        |             |             | 0.0       |            |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 16  | 2120110128 | PHẠM VIỆT         | 04/04/2002 | CCQ2012R |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.9       | 2.5        | 4.7     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 17  | 2121200053 | LÊ NGUYỄN TRƯỜNG  | 05/08/2003 | CCQ2120B |        | 1           | <i>Phúc</i> | 6.7       | 4          | 5.1     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 18  | 2121200099 | PHẠM THỊ BÍCH     | 16/11/2003 | CCQ2120C |        | 1           | <i>Phúc</i> | 5.3       | 4          | 4.5     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 19  | 2121200011 | HOÀNG NGỌC PHƯƠNG | 17/11/2003 | CCQ2120A |        | 1           | <i>Phúc</i> | 7.9       | 6          | 6.8     | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |
| 20  | 2121200122 | LÊ THỊ THANH      | 14/02/2003 | CCQ2120D |        |             |             |           |            |         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10     |

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/01/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

Mã nhận dạng: 002714

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV             | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký             | Đ.QT<br>40% | Đ.Thi<br>60% | Điểm<br>HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm ngay |
|-----|------------|--------------------------|------------|----------|-------|----------------|--------------------|-------------|--------------|------------|--------------------------------|
| 21  | 2121200084 | NGUYỄN ĐĂNG THANH THÚY   | 25/12/2003 | CCQ2120C |       |                |                    | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 22  | 2121200074 | TÔ THỊ THU THÚY          | 20/05/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>[Signature]</i> | 6.9         | 3            | 4.6        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 23  | 2120120483 | HUỖNH NGUYỄN NGUYỄN TÍNH | 20/04/2002 | CCQ2012N |       |                |                    | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 24  | 2121200132 | HỒ THỊ THU TRANG         | 04/11/2003 | CCQ2120D |       | 1              | <i>Trang</i>       | 6.9         | 5            | 5.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 25  | 2121202001 | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG    | 25/06/2003 | CCQ2120B |       | 2              | <i>Thị Trang</i>   | 8.1         | 6            | 6.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 26  | 2121200205 | TRẦN THỊ KIỀU            | 04/06/2003 | CCQ2120F |       | 1              | <i>Kieu</i>        | 7.0         | 4.5          | 5.5        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 27  | 2121200002 | LÊ TRẦN BẢO TRÂM         | 27/08/2003 | CCQ2120A |       | 1              | <i>Bao</i>         | 8.2         | 6            | 6.9        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 28  | 2121120595 | TRƯƠNG THỊ BÍCH TRÂM     | 04/03/2003 | CCQ2112M |       | 1              | <i>Bich</i>        | 8.2         | 7.5          | 7.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 29  | 2121200044 | NGUYỄN TÚ TRINH          | 01/06/2003 | CCQ2120B |       | 1              | <i>Trinh</i>       | 7.0         | 8            | 7.6        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 30  | 2121200142 | KIỀU NGỌC TRÚC           | 11/04/2003 | CCQ2120E |       | 1              | <i>Truc</i>        | 7.0         | 5            | 5.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 31  | 2121200110 | BÙI QUANG TRƯỜNG         | 21/01/2002 | CCQ2120D |       | 1              | <i>Truong</i>      | 6.3         | 4.5          | 5.2        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 32  | 2120270069 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN   | 26/10/2002 | CCQ2027B |       | 1              | <i>Thanh</i>       | 6.9         | 4.5          | 5.5        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 33  | 2121120226 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN   | 13/11/2003 | CCQ2112G |       | 1              | <i>Thanh</i>       | 8.4         | 6            | 6.9        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 34  | 2121200123 | TRẦN THỊ BÍCH VÂN        | 23/01/2003 | CCQ2120D |       | 1              | <i>Van</i>         | 8.1         | 7            | 7.4        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 35  | 2121200181 | HUỖNH LÊ MAI VY          | 15/11/2003 | CCQ2120F |       | 1              | <i>Mai Vy</i>      | 7.0         | 4.5          | 5.5        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 36  | 2121200085 | VI THỊ YẾN VY            | 18/04/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>Vy</i>          | 7.0         | 3            | 4.6        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |
| 37  | 2121200076 | TÔ ĐÀO NHƯ YẾN           | 01/07/2003 | CCQ2120C |       |                |                    | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8            |

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 02**  
Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2** Tổ: **001**  
Ngày thi: **10/01/2023** Giờ: **14:45**  
Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 002713

Số SV có mặt: 30  
Số bài thi: 30  
Số tờ giấy thi: 30

|                                           |                                           |                                  |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Đài Thanh Hưng</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>HT Bích Phương</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Luul</i> |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký   | Đ.QT<br>40% | Đ.Thi<br>60% | Điểm<br>HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm v |
|-----|------------|------------------|------------|----------|-------|----------------|----------|-------------|--------------|------------|----------------------------------|----------|
| 1   | 2120200295 | NGUYỄN VĂN AN    | 19/05/2001 | CCQ2020I |       | 1              | <i>g</i> | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 2   | 2121200075 | TÔ THÀNH         | 19/05/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>g</i> | 6.9         | 3            | 4.6        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 3   | 2120270036 | ĐỖ NGUYỄN TÚ     | 27/05/2002 | CCQ2027B |       | 1              | <i>g</i> | 6.9         | 5            | 5.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 4   | 2121200095 | HỒ THỊ NGỌC      | 10/06/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 6.5          | 6.8        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 5   | 2121200114 | HUỲNH THỊ HỒNG   | 08/12/2003 | CCQ2120D |       | 1              | <i>g</i> | 7.0         | 7            | 7.0        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 6   | 2121200104 | NGUYỄN THỊ KIM   | 22/02/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>g</i> | 7.0         | 4            | 5.2        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 7   | 2121200134 | TRẦN PHẠM HƯƠNG  | 13/11/2003 | CCQ2120D |       | 1              | <i>g</i> | 6.3         | 3            | 4.3        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 8   | 2121120353 | NGUYỄN XUÂN      | 27/05/2003 | CCQ2120F |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 4            | 5.3        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 9   | 2121120180 | TRẦN ĐÌNH        | 06/01/2003 | CCQ2112F |       |                |          | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 10  | 2121200029 | NGUYỄN TRẦN MINH | 21/08/2001 | CCQ2120A |       | 1              | <i>g</i> | 8.4         | 4            | 5.7        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 11  | 2121200019 | VŨ THỊ XUÂN      | 19/07/2003 | CCQ2120A |       | 1              | <i>g</i> | 6.9         | 6.5          | 6.7        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 12  | 2121200112 | NGUYỄN ĐẶNG THẾ  | 21/07/2002 | CCQ2120D |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 4.5          | 5.6        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 13  | 2121200117 | NGUYỄN THỊ THU   | 01/08/2003 | CCQ2120D |       | 1              | <i>g</i> | 8.1         | 5.5          | 6.5        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 14  | 2121200130 | TRẦN VĂN LƯƠNG   | 01/10/2002 | CCQ2120D |       | 1              | <i>g</i> | 6.3         | 2.5          | 4.0        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 15  | 2121200082 | TRƯƠNG THỊ THU   | 14/09/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 6            | 6.5        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 16  | 2121260034 | HOÀNG THỊ        | 08/10/2003 | CCQ2126A |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 7.5          | 7.4        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 17  | 2121120172 | LÊ TRỌNG         | 17/05/2003 | CCQ2112E |       |                |          | 0.0         |              |            | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 18  | 2121270108 | ĐOÀN LÝ DẠ       | 12/09/2003 | CCQ2127D |       | 1              | <i>g</i> | 6.6         | 5.5          | 5.9        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 19  | 2121200050 | HUỲNH THỊ        | 07/07/2003 | CCQ2120B |       | 1              | <i>g</i> | 7.0         | 6            | 6.4        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |
| 20  | 2121200083 | HỒ TRÍ           | 13/03/2003 | CCQ2120C |       | 1              | <i>g</i> | 7.2         | 2.5          | 4.4        | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1      |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/01/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 002713

|                                  |                                  |                                 |
|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Quang</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Phuoc</i> | G.Viên chấm thi<br><i>Quang</i> |
| Số SV có mặt: 30                 | Số bài thi: 20                   | Số tờ giấy thi: 30              |
| <i>Đào Thanh Hưng</i>            | <i>HTB Phuong</i>                |                                 |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký        | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------|-------------|---------------|----------|-----------|---------|----------------------------------|--------|
| 21  | 2121200052 | PHẠM THANH HUỆ        | 14/10/2003 | CCQ2120B |       | 1           | <i>le</i>     | 6.9      | 6         | 6.4     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 22  | 2121270072 | NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU  | 20/08/2003 | CCQ2127C |       | 1           | <i>Kieu</i>   | 6.9      | 5         | 5.8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 23  | 2121200042 | HUỲNH TẤN LẬP         | 14/06/2003 | CCQ2120B |       | 1           | <i>tanlap</i> | 8.5      | 7.5       | 7.9     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 24  | 2121200133 | NGUYỄN THỊ MINH LIÊN  | 21/06/2003 | CCQ2120D |       | 1           | <i>lien</i>   | 6.3      | 5         | 5.5     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 25  | 2121200008 | BÙI THỊ MỸ LINH       | 17/09/2003 | CCQ2120A |       | 1           | <i>mylinh</i> | 7.0      | 2         | 4.0     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 26  | 2120270047 | PHẠM THỊ MAI LINH     | 21/11/2002 | CCQ2027B |       | 1           | <i>mai</i>    | 6.9      | 4         | 5.2     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 27  | 2121260032 | TRẦN THỊ ÁNH LINH     | 02/08/2003 | CCQ2126A |       | 1           | <i>linh</i>   | 7.2      | 4.5       | 5.6     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 28  | 2121260062 | BÙI THỊ CẨM LOAN      | 07/01/2003 | CCQ2126B |       | 1           | <i>loan</i>   | 7.2      | 5.5       | 6.2     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 29  | 2119200216 | NGUYỄN THÀNH LUÂN     | 26/06/2001 | CCQ1920G |       |             |               | 0.0      |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 30  | 2121120210 | HỒ CẢNH MẠNH          | 25/10/2003 | CCQ2112F |       |             |               | 0.0      |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 31  | 2121200111 | NÃO THỦY HẰNG         | 15/04/2002 | CCQ2120D |       | 1           | <i>nguan</i>  | 6.9      | 1.5       | 3.7     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 32  | 2121200107 | LƯƠNG THỊ KIM NGÂN    | 08/09/2003 | CCQ2120D |       | 1           | <i>ngan</i>   | 8.1      | 6         | 6.8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 33  | 2120200260 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | 15/08/2002 | CCQ2020H |       |             |               | 0.0      |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 34  | 2121200031 | CHÂU BẢO NGỌC         | 30/07/2003 | CCQ2120A |       | 1           | <i>baonoc</i> | 8.4      | 6         | 7.0     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 35  | 2120200261 | NGUYỄN KHÔI NGUYỄN    | 16/06/2001 | CCQ2020H |       |             |               | 0.0      |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 36  | 2121120259 | HOÀNG LÊ THỐNG NHẤT   | 05/02/2001 | CCQ2112H |       | 1           | <i>thuat</i>  | 8.1      | 4.5       | 5.9     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |
| 37  | 2121200073 | CÙ THỊ KIM NHUNG      | 06/08/2003 | CCQ2120C |       | 1           | <i>nhung</i>  | 6.3      | 5         | 5.5     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1    |